TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/DS – ST
Ngày: 18 – 7 – 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hường

2. Ông Trần Thanh Việt.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T1 – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thụ lý số: 192/2023/TLST – DS ngày 04 tháng 05 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2023/QĐXXST – DS ngày 02/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 250/2023/QĐST- DS ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S)

Địa chỉ trụ sở: Số A, phường V, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S - Giám đốc chi nhánh An Giang (theo Quyết định về việc ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và thma gia tố tụng số 3270/2022/QĐ-PL ký ngày 26/12/2022).

Ông Trần Minh S ủy quyền lại cho: ông Chu Toàn T, sinh năm 1989, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Địa chỉ liên lạc: Số C, Phường Q, Thành phố X, Tỉnh An Giang;

+ Bị đơn: Bà Dương Thị Ngọc T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số D khóm E, phường P, thành phố X, An Giang.

(ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T1 vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 19/4/2023 và tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, ông Chu Toàn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 27/11/2020, bà T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 118.100.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 101.445.289 đồng. Đến ngày 15/06/2022, bà T1 không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 18/7/2023, bà T1 còn nợ số tiền cụ thể như sau:

Dư nợ gốc: 30.754.761 đồng

Lãi: 15.872.532 đồng

Tộng cộng: 46.627.293đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T1, yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T1 trả nợ, tuy nhiên bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Ngọc T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2023 là 46.627.293đồng. Trong đó nợ gốc là 30.754.761 đồng và lãi quá hạn là 15.872.532 đồng. Bà Dương Thị Ngọc T1 còn có trách nhiệm khoản lãi phát sinh từ ngày 18/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng mà bà T1 đã ký kết với Ngân hàng.

* Bị đơn bà Dương Thị Ngọc T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ chứng minh cũng như không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông T đại diện theo ủy quyền của S có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Dương Thị Ngọc T1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý đến nay, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia các phiên hoà giải, phiên tòa do Toà án thực hiện là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bà Dương Thị Ngọc T1 yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/11/2020. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, bà T1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T1 và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

[2.2] Ông Chu Toàn T - Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Thủ tục ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật nên ông T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Dương Thị Ngọc T1 ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng vào ngày 27/11/2020 với nội dung: Ngân hàng đồng ý mở thẻ tín dụng cho bà T1 với hạn mức sử dụng tín dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất 2,6%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền tổng số tiền là 118.100.000 đồng và đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng số tiền 101.445.289 đồng. Do bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả tổng số tiền là là 46.627.293đồng (trong đó nợ gốc là 30.754.761 đồng và lãi quá hạn là 15.872.532 đồng), đồng thời yêu cầu bà T1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi trả dứt nợ.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng và bà T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi còn nợ và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Do bà T1 không thanh toán số tiền đã rút đúng hạn cho Ngân hàng nên ngoài nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì bà T1 còn phải trả lãi trong hạn, lãi suất nợ quá hạn cho Ngân hàng theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà bà T1 đã ký với Ngân hàng. Cụ thể:

Lãi trong hạn từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/6/2022 là 10.581.688đồng.

Tiền lãi quá hạn từ ngày 16/6/2022 đến ngày 18/7/2023 là 5.290.844đồng.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà T1 đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và buộc bà T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng. Tổng cộng bà T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/8/2023 là: 30.754.761đồng + 10.581.688đồng + 22.615.710đ + 5.290.844đồng = 46.627.293đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP S được nhận lại (do Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.076.000đ (một triệu không

trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001707 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.331.365đ (hai triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng;

- Các Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc bà Dương Thị Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/8/2023 là 46.627.293đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 30.754.761 đồng (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng) và lãi quá hạn là 15.872.532 đồng (mười lăm triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm ba mươi hai đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/7/2023), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP S được nhận lại (do Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.076.000đ (một triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001707 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn là bà Dương Thị Ngọc T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.331.365đ (hai triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đức Anh